



A MEMBER OF IHI INTERNATIONAL CPA NETWORK



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**

**NHỰA SÀI GÒN**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012**

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN :**      **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING  
SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**



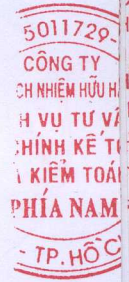


**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**MỤC LỤC**

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám Đốc	03 - 05
Báo cáo Kiểm toán	06 - 07
Báo cáo tài chính	
1 - Bảng cân đối kế toán	08 - 11
2 - Kết quả hoạt động kinh doanh	12 - 12
3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 13
4 - Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 45

Mã ngành	Tên công dụng	Loại tài sản	Số đơn vị	Giá trị kế toán	Tỷ lệ %
1	Dầu lửa của Nhà máy	Công cụ dụng cụ	1.571.650	76.716.400,00	0,15
2	Các tài sản khác	Công cụ dụng cụ	3.278.928	35.739.240,00	0,07
3	Công ty TNHH TM Á Châu	Cổ phần góp vốn	112.220	1.352.240,00	0,03
4	Đại diện Lâm Tế Thành	Cổ phần góp vốn	10.340	103.400,00	0,00





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Sài Gòn theo Quyết định số 5732/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300766500, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng môi trường – giao thông vận tải. Sản xuất, mua bán các loại phương tiện vận tải và giao thông đường thủy được chế tạo từ nhựa composite. Các sản phẩm composite khác phục vụ cho các khu vui chơi, giải trí – sân khấu nhà hát – sân vận động và các loại bồn bể chứa hóa chất và nước sinh hoạt cho các khu dân cư. Sản xuất, mua bán hạt nhựa tái sinh chất lượng cao từ phế liệu nhựa (không sản xuất tại trụ sở). Thiết kế chế tạo và kinh doanh các loại máy móc thiết bị và khuôn mẫu cho ngành nhựa. Bổ sung: Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, căn hộ, mua bán phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là 71.993.400.000 đồng.

**Danh sách cổ đông sáng lập**

Số thứ tự	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn Nhà nước : - Đồng Sơn Tín - Lại Anh Việt - Nguyễn Thị Ánh	Cổ phần phổ thông	3.671.660	36.716.600.000	51,00
2	Các cổ đông khác	Cổ phần phổ thông	3.378.920	33.789.200.000	46,93
3	Công ty TNHH TM Á Châu - Đại diện : Lâm Tử Thanh	Cổ phần phổ thông	138.220	1.382.200.000	1,92
4	Lại Anh Việt	Cổ phần phổ thông	10.540	105.400.000	0,15

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn Tại Thành Phố Cần Thơ : Số 60, Quốc lộ 1A, KV2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Cửa Hàng Trưng Bày Giới Thiệu Và Bán Sản Phẩm : 50/5A ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Cửa Hàng Trưng Bày Giới Thiệu Và Bán Sản Phẩm : 3/21A Quốc lộ 1A, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty CP Nhựa Sài Gòn – Xí nghiệp Nhựa Sài Gòn : 50A Phú Định, phường 16, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.



## **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là **5.462.981.403 VND** (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là **8.323.521.143 VND** - số liệu sau điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Nhà Nước ngày 10/08/2012)

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2012 là **4.852.432.356 VND** (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là **1.941.925.944 VND** - số liệu sau điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Nhà Nước ngày 10/08/2012)

## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Hồng Phong	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/05/2011
Ông Lâm Tử Thanh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/05/2009
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2011
Ông Cao Văn Sang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/05/2011
Ông Trương Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2011
Ông Trần Hiền Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2011

### **Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Cao Văn Sang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/05/2011
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012

### **Các thành viên Ban Kiểm soát:**

Ông Đào Công Năm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Trần Việt Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/05/2009
Bà Huỳnh Thị Kim Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/05/2009

### **Kế toán trưởng**

Ông Trần Hiền Phúc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30/05/2011
--------------------	----------------	--------------------------

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Địa chỉ: 242 Trần Phú, phường 09, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013

**Tổng Giám Đốc**



**Cao Văn Sang**





Số...*413*... BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN** lập ngày 31/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Cơ sở đưa ra ý kiến của kiểm toán viên :**

Báo cáo tài chính riêng năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, trong đó kiểm toán viên ký báo cáo kiểm toán đã ngoại trừ phương pháp tính giá thành hàng tồn kho của thành phẩm, bán thành phẩm và ảnh hưởng (nếu có) của tiền lãi chậm nộp trên số tiền cổ phần hóa 7.700.599.239 đồng Công ty còn nợ Nhà nước.

Thực hiện chuẩn mực số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu năm tài chính, chúng tôi đã tiến hành các thủ tục kiểm toán và thấy rằng

**1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Theo Thuyết minh số IV.2, nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Công ty ước tính giá trị bán thành phẩm nhựa dẻo (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) là 36.476 đồng/1kg khối lượng bán thành phẩm nhưng không có bằng tính cụ thể.
- Công ty tính giá thành thành phẩm theo giá bình quân cho tổng chi phí thực tế phát sinh trong năm chia tổng khối lượng thành phẩm quy đổi, Công ty không tính giá thành cho từng mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng nên chúng tôi không thể xác định chính xác tiêu hao nguyên vật liệu thực tế cũng như không thể so sánh với định mức nguyên vật liệu đã đăng ký với thuế và phân bổ chi phí vào giá thành, giá vốn hàng bán;

**2. Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đến ngày 31/12/2011 với số tiền là 2.102.036.321. Năm 2012, công ty không tiến hành đánh giá lại giá trị tồn thất của hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng để xác định giá trị tồn thất thực tế của hàng tồn kho đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Với những hồ sơ hiện có tại công ty, bằng những thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi chưa thể xác định được chính xác giá trị tồn thất của hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cũng như việc giảm giá của hàng tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính, do đó, không thể xác định được chính xác về giá trị dự phòng của hàng**



tồn kho bị tổn thất, bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính để trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập giá trị đã dự phòng.

3. Trong năm 2012, Công ty đã nộp số tiền phải trả cổ phần hóa còn nợ là 7.700.599.239 đồng và chưa phát sinh chi phí lãi chậm trả của khoản tiền này.

**Ý kiến của kiểm toán viên :**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính riêng của **Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn** đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày .06... tháng .6... năm 2013

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**Đỗ Khắc Thanh**  
Chứng chỉ KTV số : Đ.0064/KTV

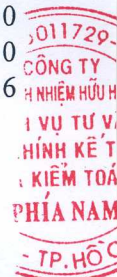
**Trần Nguyễn Hoàng Mai**  
Chứng chỉ KTV số : 1755/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>76.095.217.537</b>	<b>72.699.047.173</b>
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>44.952.006.767</b>	<b>39.283.300.724</b>
1. Tiền	111		5.374.148.166	5.513.306.810
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.577.858.601	33.769.993.914
<i>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>6.309.005.000</b>	<b>7.304.622.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.852.616.000	15.362.283.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.543.611.000)	(8.057.661.000)
<i>III Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>14.190.240.663</b>	<b>12.416.607.046</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		10.551.186.592	10.884.166.716
2. Trả trước cho người bán	132		4.219.357.652	1.266.674.169
3. Phải thu nội bộ	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	138		2.233.117.422	3.277.529.907
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.813.421.003)	(3.011.763.746)
<i>IV Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>8.496.447.546</b>	<b>12.772.581.287</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.598.483.867	14.874.617.608
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.102.036.321)	(2.102.036.321)
<i>V Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>2.147.517.561</b>	<b>921.936.116</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.939.245	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.133.578.316	921.936.116





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.750.627.851</b>	<b>41.027.682.715</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.741.546.293</b>	<b>21.113.198.281</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.900.077.202	20.758.758.281
- Nguyên giá	222		69.813.881.524	70.843.264.584
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(50.913.804.322)	(50.084.506.303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	354.440.000	354.440.000
- Nguyên giá	228		505.400.674	505.400.674
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(150.960.674)	(150.960.674)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	487.029.091	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.9	<b>19.914.484.434</b>	<b>19.914.484.434</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.914.484.434	19.914.484.434
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.10	<b>94.597.124</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		94.597.124	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>115.845.845.388</b>	<b>113.726.729.888</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>21.579.543.937</b>	<b>22.381.592.961</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.579.543.937</b>	<b>22.381.592.961</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	13.023.540.620	9.099.137.660
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	1.489.717.450	1.107.827.693
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	417.522.255	388.858.770
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.715.293.562	2.157.820.462
5. Phải trả công nhân viên	315	V.14	1.977.950.150	1.575.792.370
6. Chi phí phải trả	316	V.15	37.900.000	83.909.052
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	2.660.299.950	8.815.626.395
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	(742.680.050)	(847.379.441)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	344		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	355		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.18</b>	<b>94.266.301.451</b>	<b>91.345.136.927</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>94.269.301.451</b>	<b>91.348.136.927</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		71.993.400.000	71.993.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.107.450.000	17.107.450.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	(10.658.112)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		126.407.638	126.407.638
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		189.611.457	189.611.457
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.852.432.356	1.941.925.944
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(3.000.000)</b>	<b>(3.000.000)</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(3.000.000)	(3.000.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>115.845.845.388</b>	<b>113.726.729.888</b>





## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

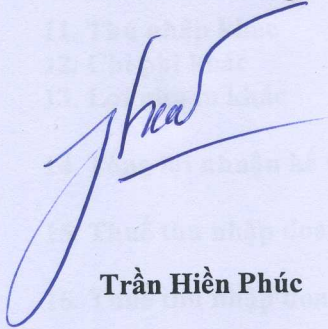
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị : VND	
	T.minh	Số cuối năm / Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		
- USD	67.441,05	11.593,00
- EUR	0,02	0,02
6. Hạn mức kinh phí còn lại		
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ( ).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

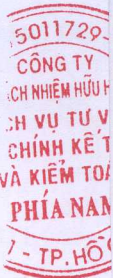


Trần Hiền Phúc

Tổng Giám đốc



Cao Văn Sang





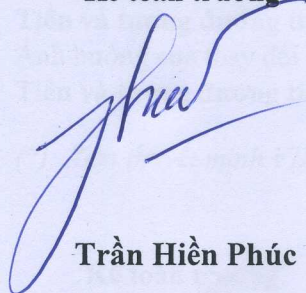
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	60.889.661.417	70.388.063.097
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.20	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21	60.889.661.417	70.388.063.097
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	44.139.163.157	51.144.277.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.750.498.260	19.243.785.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	4.112.919.906	5.973.281.892
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	927.671.475	4.893.453.830
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		841.928.723	974.707.698
8. Chi phí bán hàng	24		3.981.968.696	3.333.240.096
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.265.521.119	7.735.566.810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.688.256.876	9.254.806.682
11. Thu nhập khác	31	VI.25	1.138.320.315	1.138.600.046
12. Chi phí khác	32	VI.25	568.781.718	581.960.570
13. Lợi nhuận khác	40		569.538.597	556.639.476
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.257.795.473	9.811.446.158
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.26	1.794.814.070	1.487.925.015
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.462.981.403	8.323.521.143
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.27	759	1.156

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

  
Trần Hiền Phúc

Tổng Giám đốc

  
Cao Văn Sang



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

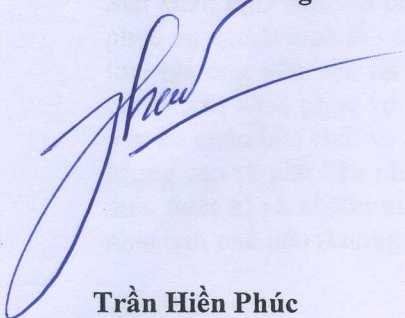
CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	65.937.215.395	75.354.006.871
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(42.025.605.274)	(67.306.984.737)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(8.241.230.435)	(5.063.093.809)
4. Tiền chi trả lãi vay (*)	4	(887.937.775)	(974.707.698)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(989.778.049)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	3.859.412.839	3.480.456.655
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(20.207.988.534)	(2.027.481.102)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.555.911.833)</b>	<b>3.462.196.180</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.883.992.198)	(97.757.350)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	960.602.547	1.004.952.737
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.142.333.000)	(231.059.108.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	231.935.655.171
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.177.045.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	27	4.738.563.307	5.218.369.067
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.849.885.656</b>	<b>6.802.111.625</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.554.579.390	24.374.880.724
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.748.408.815)	(33.602.997.740)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(437.365.800)	(1.652.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.368.804.775</b>	<b>(10.880.517.016)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.662.778.598</b>	<b>(616.209.211)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>39.283.300.724</b>	<b>39.901.921.279</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.927.445	(2.411.344)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>44.952.006.767</b>	<b>39.283.300.724</b>

(\*): Xem thuyết minh VII.30

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Hiền Phúc



Cao Văn Sang